



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG GIA LAI
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



CHUYÊN ĐỀ
TRIỂN KHAI THU PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

GIA LAI, NGÀY 17 THÁNG 11 NĂM 2023

NỘI DUNG



1

- KHÁI NIỆM VỀ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

2

- ĐỐI TƯỢNG PHẢI NỘP PHÍ BVMT ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

3

- MỨC THU PHÍ BVMT ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

4

- QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ

5

- TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN

KHÁI NIỆM VỀ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Nước thải công nghiệp là nước thải từ các nhà máy, địa điểm, cơ sở sản xuất, chế biến của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thải vào nguồn tiếp nhận nước thải theo quy định pháp luật



ĐỐI TƯỢNG PHẢI NỘP PHÍ BVMT ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP



Căn cứ theo khoản 2 Điều 2 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ:

- Cơ sở sản xuất, chế biến: Nông sản, lâm sản, thủy sản, thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát, thuốc lá.
- Cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô trang trại theo quy định pháp luật về chăn nuôi; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.
- Cơ sở nuôi trồng thủy sản thuộc diện phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định.
- Cơ sở sản xuất thủ công nghiệp trong các làng nghề.
- Cơ sở: Thuộc da, tái chế da, dệt, nhuộm, may mặc.



ĐỐI TƯỢNG PHẢI NỘP PHÍ BVMT ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Căn cứ theo khoản 2 Điều 2 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ:

- Cơ sở: Khai thác, chế biến khoáng sản.
- Cơ sở sản xuất: Giấy, bột giấy, nhựa, cao su; linh kiện, thiết bị điện, điện tử;
- Cơ sở: Cơ khí, luyện kim, gia công kim loại, chế tạo máy và phụ tùng.
- Cơ sở: Sơ chế phế liệu, phá dỡ tàu cũ, vệ sinh súc rửa tàu, xử lý chất thải.
- Cơ sở: Hóa chất cơ bản, phân bón, dược phẩm, thuốc bảo vệ thực vật, vật liệu xây dựng, văn phòng phẩm, đồ gia dụng.
- Nhà máy cấp nước sạch, nhà máy điện.
- Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu đô thị.
- Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, cảng cá, khu công nghệ cao và các khu khác.
- Cơ sở sản xuất, chế biến khác có phát sinh nước thải từ hoạt động sản xuất, chế biến



MỨC THU PHÍ BVMT ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP



**Mức phí BVMT đối với
nước thải công nghiệp**

Phí cố định (cơ
sở có tổng lượng
nước thải trung bình
dưới $20 \text{ m}^3/\text{ngày}$
đêm)

**Phí cố định
và phí biến đổi**
(cơ sở có tổng lượng
nước thải trung bình
từ $20 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm)

MỨC THU PHÍ BVMT ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP



Mức phí cố định

(theo quy định điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ)



Số TT	Lưu lượng nước thải bình quân (m ³ /ngày)	Mức phí (đồng/năm)
1	Từ 10 đến dưới 20	4.000.000
2	Từ 5 đến dưới 10	3.000.000
3	Dưới 5	2.500.000

MỨC THU PHÍ BVMT ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Mức phí cố định + biến đổi

(theo quy định điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ)

Số phí phải nộp hàng quý tính theo công thức:

$$F_q = (f/4) + C_q$$

- F_q là số phí phải nộp trong quý (đồng).
- f là phí cố định
- C_q là số phí biến đổi (tổng số phí phải nộp của các thông số ô nhiễm có trong nước thải) phải nộp trong quý



Số phí biến đổi được tính cho từng thông số ô nhiễm theo công thức :

Số phí phải nộp = Tổng lượng nước thải thải vào nguồn tiếp nhận x Hàm lượng thông số ô nhiễm có trong nước thải x 0,001 x Mức thu phí của thông số ô nhiễm

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ



Tổ chức thu phí phải nộp toàn bộ số tiền phí bảo vệ môi trường thu được vào ngân sách nhà nước, ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động



Trường hợp tổ chức thu phí thuộc diện khoán chi phí hoạt động theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí thì được để lại 25% trên tổng số tiền phí BVMT thu được cho tổ chức thu phí để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí

CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM THU PHÍ



**Thu phí,
quản lý,
theo dõi**

Sở Tài nguyên và Môi trường và Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố

Cơ quan thuế

CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM THU PHÍ



Phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành phân loại đối tượng nộp phí cố định và phí biến đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ

Thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, ra thông báo số phí phải nộp, quản lý thu, nộp phí bảo vệ môi trường

Phòng TNMT tổng hợp số liệu thu phí BVMT báo cáo Sở TNMT trước ngày 31/3 năm sau. Sở TNMT: Tổng hợp số liệu về phí BVMT đối với nước thải tại địa phương, báo cáo Bộ TNMT trước ngày 31/5 năm sau

Hàng năm, tổ chức thu phí có trách nhiệm thông tin công khai số phí BVMT thu được năm trước trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo địa phương, Đài phát thanh địa phương, Cổng thông tin điện tử của tổ chức thu phí và các hình thức phù hợp khác để người dân và doanh nghiệp được biết

**Sở TN&MT
và Phòng
TNMT**

CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM THU PHÍ

**CƠ QUAN
THUẾ**



Kiểm tra, đôn đốc,
quyết toán việc thu,
nộp, phí bảo vệ môi
trường đối với nước
thải của cơ quan tài
nguyên môi trường
trên địa phương





Xin chân thành cảm ơn!